UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số:6036/KH-SGDĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 11 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện mục tiêu Chương trình "An sinh xã hội" giai đoạn 2026 - 2030 trong ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng

Thực hiện Kế hoạch số 473/KH-UBND ngày 12/9/2026 của UBND thành phố về thực hiện mục tiêu Chương trình "An sinh xã hội" trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 - 2030 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 473/KH-UBND); căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và các kế hoạch có liên quan của ngành, Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch thực hiện mục tiêu Chương trình "An sinh xã hội" giai đoạn 2026 - 2030 trong ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Kế hoạch số 473/KH-UBND thành nhiệm vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của ngành Giáo dục và Đào tạo; xác định rõ nội dung công việc, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và kết quả cần đạt để tổ chức thực hiện thống nhất trong toàn ngành giai đoạn 2026 - 2030.

b) Nâng cao chất lượng giáo dục, bảo đảm các điều kiện dạy và học, tăng cơ hội tiếp cận giáo dục có chất lượng và duy trì việc học tập cho mọi người học; ưu tiên trẻ em, học sinh, học viên thuộc nhóm yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn; góp phần thực hiện mục tiêu an sinh xã hội bao trùm, bền vững của thành phố.

c) Gắn nhiệm vụ an sinh xã hội trong giáo dục với việc thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch đã được UBND thành phố và Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành; hạn chế chồng chéo, tận dụng hiệu quả nguồn lực, dữ liệu và cơ chế phối hợp hiện có.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai phải bám sát mục tiêu, lộ trình, nhiệm vụ tại Kế hoạch số 473/KH-UBND; bảo đảm đúng chức năng, thẩm quyền, phù hợp điều kiện thực tế của từng địa phương, cơ sở giáo dục; phân công rõ trách nhiệm người đứng đầu và đơn vị tham mưu.

b) Thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ người học, kết hợp giữa chính sách của Nhà nước, trách nhiệm của gia đình, nhà trường, chính quyền địa phương và huy động nguồn lực hợp pháp; công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng quy định.

c) Tăng cường theo dõi, đánh giá dựa trên số liệu có thể kiểm chứng; quản lý, chia sẻ dữ liệu đúng thẩm quyền, mục đích và quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân; kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc để xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm các điều kiện dạy và học; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ người học thuộc diện thụ hưởng; bảo đảm cơ hội tiếp cận và duy trì việc học tập, nhất là đối với người học có hoàn cảnh khó khăn; phát triển giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên và góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Nâng cao chất lượng giáo dục, từng bước hoàn thiện điều kiện cơ sở vật chất, trường lớp, thiết bị dạy học và đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục theo các chương trình, đề án của thành phố.

b) Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách hỗ trợ đối với trẻ em mầm non, học sinh khuyết tật, học sinh là người dân tộc thiểu số và các nhóm đối tượng được hưởng chính sách theo quy định; hỗ trợ người học tiếp cận sách giáo khoa và các điều kiện học tập thiết yếu.

c) Lồng ghép thực hiện mục tiêu Chương trình "Không có học sinh bị bạo hành, xâm hại trong nhà trường; học sinh bỏ học, bị đuối nước" giai đoạn 2026 – 2030 theo Kế hoạch số 463/KH-UBND ngày 09/9/2026 của UBND thành phố và Kế hoạch số 5291/KH-SGDĐT ngày 02/10/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo; tăng cường phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp, duy trì việc học và bảo đảm an toàn cho học sinh.

d) Phấn đấu thực hiện mục tiêu tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ theo lộ trình tại Kế hoạch số 473/KH-UBND: năm 2026 đạt 10% - 16%; năm 2027 đạt 17% - 24%; năm 2028 đạt 25% - 31%; năm 2029 đạt 31% - 36%; năm 2030 đạt 37% - 40%. Đây là chỉ tiêu chung của thành phố; việc theo dõi, đánh giá đóng góp của ngành thực hiện theo hướng dẫn và phân công của cơ quan có thẩm quyền.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao chất lượng giáo dục và bảo đảm điều kiện dạy, học

a) Tiếp tục triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo theo Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 12/02/2026 của UBND thành phố và Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 15/12/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị.

b) Triển khai Đề án nâng cấp, mở rộng trường lớp và đầu tư thiết bị dạy học cho các trường mầm non và phổ thông công lập trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026 - 2030; rà soát nhu cầu về phòng học, thiết bị, điều kiện vệ sinh, nước

sạch và các điều kiện thiết yếu khác, ưu tiên địa bàn, cơ sở giáo dục còn khó khăn theo kế hoạch và khả năng cân đối nguồn lực.

c) Phối hợp tham mưu sửa đổi, bổ sung Đề án số 1129/ĐA-UBND ngày 05/3/2024 về phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 giai đoạn 2024 - 2028, định hướng đến năm 2030.

2. Thực hiện chính sách hỗ trợ, bảo đảm cơ hội tiếp cận và duy trì việc học

a) Rà soát, hướng dẫn, tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ đối với trẻ em, học sinh, học viên thuộc nhóm đối tượng thụ hưởng theo quy định, trong đó có các chính sách tại Nghị quyết số 50/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025, Quyết định số 96/2025/QĐ-UBND ngày 25/12/2025, Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025, Quyết định số 100/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 và Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND ngày 14/4/2026 của thành phố; khi triển khai phải đối chiếu văn bản gốc, đối tượng, mức hỗ trợ và điều kiện thụ hưởng còn hiệu lực.

b) Bảo đảm điều kiện cần thiết để học sinh, học viên tiếp cận và duy trì việc học tập; triển khai các giải pháp hỗ trợ, giảm khó khăn trong tiếp cận sách giáo khoa và điều kiện học tập thiết yếu theo Nghị định số 271/2026/NĐ-CP ngày 03/7/2026, Công văn số 4369/BGDĐT-KHTC ngày 10/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐND của HĐND thành phố.

c) Tăng cường rà soát, nắm bắt hoàn cảnh người học; phối hợp chính quyền địa phương, gia đình, tổ chức xã hội và các nguồn lực hợp pháp để hỗ trợ học bổng, sách vở, phương tiện đi lại và các điều kiện học tập thiết yếu; việc vận động, tiếp nhận và sử dụng hỗ trợ phải bảo đảm tự nguyện, công khai, minh bạch, đúng quy định.

3. Lồng ghép thực hiện mục tiêu bảo vệ học sinh, phòng ngừa bỏ học và đuối nước

a) Tổ chức thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ tại Kế hoạch số 5291/KH-SGDĐT ngày 02/10/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai mục tiêu Chương trình "Không có học sinh bị bạo hành, xâm hại trong nhà trường; học sinh bỏ học, bị đuối nước" giai đoạn 2026 - 2030 trong ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng và Kế hoạch số 463/KH-UBND ngày 09/9/2026 của UBND thành phố; không xây dựng cơ chế, đầu mối báo cáo trùng lặp nếu nội dung đã được thực hiện trong các kế hoạch này.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở giáo dục xây dựng môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện; thực hiện quy định về trường học an toàn, phòng, chống bạo lực học đường và quy tắc ứng xử; nâng cao hiệu quả tư vấn tâm lý học đường, công tác xã hội trường học; duy trì kênh tiếp nhận thông tin phù hợp, an toàn, bảo mật và xử lý kịp thời vụ việc theo thẩm quyền.

c) Rà soát, phân loại, theo dõi học sinh có nguy cơ bỏ học và học sinh đã bỏ học; xác định nguyên nhân để hỗ trợ phù hợp, nhất là học sinh có hoàn cảnh

kinh tế khó khăn, học lực yếu, vấn đề tâm lý hoặc sức khỏe. Tăng cường phụ đạo, tư vấn, phối hợp với gia đình và địa phương; vận động học sinh trở lại học tập hoặc tư vấn hướng nghiệp, phân luồng, kết nối giáo dục nghề nghiệp và hình thức học tập phù hợp.

d) Tăng cường giáo dục kiến thức, kỹ năng phòng, chống đuối nước và an toàn trong môi trường nước; phối hợp tổ chức dạy bơi phù hợp điều kiện thực tế, ưu tiên học sinh có hoàn cảnh khó khăn và khu vực có nguy cơ cao; bảo đảm an toàn trong hoạt động dạy, học bơi, tập huấn sơ cứu, cấp cứu ban đầu và phối hợp cảnh báo các địa điểm nguy hiểm.

4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo

a) Rà soát, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên thuộc phạm vi quản lý; tăng cường tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh; kết nối các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và đơn vị sử dụng lao động để hỗ trợ người học lựa chọn chương trình đào tạo phù hợp nhu cầu thị trường lao động.

b) Theo dõi, tổng hợp thông tin, số liệu thuộc phạm vi quản lý của ngành về đào tạo, tuyển sinh, tốt nghiệp và các nội dung liên quan theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; phối hợp với cơ quan chuyên môn của thành phố để phục vụ theo dõi lộ trình tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ. Không tự xác lập chỉ tiêu thành phần của ngành khi chưa có hướng dẫn hoặc phân công chính thức.

5. Tăng cường phối hợp, huy động nguồn lực và chuyển đổi số

a) Tăng cường phối hợp giữa Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã, phường, đặc khu, cơ sở giáo dục, gia đình và các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc rà soát đối tượng, thực hiện chính sách hỗ trợ, duy trì việc học, bảo đảm an toàn và xử lý các tình huống phát sinh.

b) Huy động, kết nối và sử dụng hiệu quả nguồn lực hợp pháp từ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và cộng đồng để hỗ trợ người học có hoàn cảnh khó khăn; bảo đảm đúng quy định, công khai, minh bạch, không để phát sinh khoản thu trái quy định hoặc tạo áp lực đóng góp đối với cha mẹ học sinh.

c) Từng bước ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong cập nhật, quản lý, tổng hợp dữ liệu về chính sách hỗ trợ, tình hình học tập và các nhóm học sinh cần hỗ trợ; kết nối, chia sẻ dữ liệu theo thẩm quyền, bảo đảm chính xác, kịp thời, an toàn và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

6. Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả

a) Lồng ghép kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch này với các hoạt động kiểm tra chuyên ngành, kiểm tra việc thực hiện chính sách và các kế hoạch liên quan; chú trọng kết quả thực chất, mức độ tiếp cận chính sách, khả năng duy trì học tập, chất lượng điều kiện dạy học và hiệu quả phối hợp hỗ trợ người học.

b) Định kỳ rà soát tiến độ, phân tích khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất giải pháp khắc phục; kịp thời chấn chỉnh hạn chế, chia sẻ và nhân rộng mô hình hiệu quả. Các vụ việc nghiêm trọng liên quan đến an toàn, sức khỏe, tính mạng và quyền lợi của học sinh phải được báo cáo ngay theo quy định tại các kế hoạch chuyên đề và hướng dẫn của Sở.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn chi thường xuyên trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục hằng năm được giao theo định mức phân bổ ngân sách hiện hành tại các đơn vị, trường học và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả; các nhiệm vụ đầu tư, mua sắm thực hiện theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục Trung học và Học sinh, sinh viên

a) Là đầu mối tham mưu triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch; phối hợp các phòng thuộc Sở hướng dẫn các đơn vị cụ thể hóa nhiệm vụ hỗ trợ người học, duy trì việc học và lồng ghép thực hiện Kế hoạch số 5291/KH-SGDĐT ngày 02/10/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai mục tiêu Chương trình "Không có học sinh bị bạo hành, xâm hại trong nhà trường; học sinh bỏ học, bị đuối nước" giai đoạn 2026 - 2030 trong ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng;

b) Tiếp nhận các thông tin khó khăn, vướng mắc, tổng hợp kết quả, tham mưu sơ kết, tổng kết và báo cáo UBND thành phố theo quy định

2. Văn phòng, các phòng thuộc Sở GDĐT

a) Tham mưu, theo dõi việc triển khai các nhiệm vụ về phát triển giáo dục và đào tạo theo Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 12/02/2026 của UBND thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 15/12/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

b) Phối hợp thông tin, tuyên truyền về mục tiêu, chính sách và kết quả thực hiện Chương trình "An sinh xã hội" trong ngành.

3. Phòng Giáo dục Thường xuyên và Giáo dục Nghề nghiệp

Chủ trì tham mưu các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp; theo dõi, tổng hợp thông tin, số liệu liên quan đến lao động qua đào tạo thuộc phạm vi quản lý; phối hợp tham mưu giải pháp thực hiện lộ trình tại Kế hoạch số 473/KH-UBND.

4. Phòng Kế hoạch tài chính

Tham mưu, hướng dẫn việc thực hiện chính sách hỗ trợ người học thuộc diện thụ hưởng; phối hợp rà soát nhu cầu, lập dự toán, cân đối, quản lý và sử dụng kinh phí theo quy định; hướng dẫn các đơn vị thực hiện chế độ tài chính, báo cáo liên quan.

5. Phòng Giáo dục Mầm non; Phòng Giáo dục Tiểu học

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tham mưu triển khai các nội dung về nâng cấp, mở rộng trường lớp, đầu tư thiết bị dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục và bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục có chất lượng; phối hợp thực hiện các nhiệm vụ liên ngành và báo cáo kết quả theo yêu cầu.

6. Phòng Tổ chức cán bộ

Phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu công tác phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục theo Đề án số 1129/ĐA-UBND ngày 05/3/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phối hợp bồi dưỡng năng lực đội ngũ phục vụ nâng cao chất lượng giáo dục.

7. Phòng Quản lý chất lượng

Chủ trì, phối hợp các phòng chuyên môn tham mưu việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong cập nhật, quản lý, khai thác, tổng hợp dữ liệu phục vụ theo dõi các nhiệm vụ của Kế hoạch; hướng dẫn kết nối, chia sẻ thông tin theo thẩm quyền, bảo đảm an toàn, bảo mật và tuân thủ quy định về dữ liệu cá nhân

8. UBND các xã, phường, đặc khu

a) Đề nghị UBND các xã, phường, đặc khu phối hợp chỉ đạo các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý triển khai mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phù hợp điều kiện địa phương.

b) Rà soát, nắm bắt người học có hoàn cảnh khó khăn, phối hợp thực hiện chính sách hỗ trợ, vận động học sinh duy trì việc học và trở lại học tập; phối hợp bảo đảm an toàn trường học và cung cấp thông tin, số liệu theo yêu cầu.

9. Các cơ sở giáo dục

a) Căn cứ Kế hoạch này và các kế hoạch liên quan của UBND thành phố, của Sở, xây dựng hoặc lồng ghép nhiệm vụ vào kế hoạch công tác hằng năm và giai đoạn; phân công người chịu trách nhiệm, tổ chức thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế.

b) Rà soát đối tượng thụ hưởng chính sách, hỗ trợ người học duy trì việc học; thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm an toàn, phòng ngừa bỏ học, phòng chống đuối nước theo Kế hoạch số 5291/KH-SGDĐT; cập nhật dữ liệu và báo cáo đúng quy định.

VI. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

1. Các phòng thuộc Sở, UBND các xã, phường, đặc khu và các cơ sở giáo dục thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất theo hướng dẫn của Sở và yêu cầu tại Kế

hoạch số 473/KH-UBND. Để tổng hợp báo cáo chung của ngành, các đơn vị gửi kết quả 6 tháng trước **ngày 05/6**, báo cáo năm trước **ngày 05/12** về Phòng Giáo dục Trung học và Học sinh, sinh viên.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo (qua Phòng Giáo dục Trung học và Học sinh, sinh viên) để tổng hợp, tham mưu xem xét, giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện mục tiêu Chương trình "An sinh xã hội" giai đoạn 2026 - 2030 trong ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng; đề nghị UBND các xã, phường, đặc khu phối hợp thực hiện; yêu cầu Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng thuộc Sở và thủ trưởng các đơn vị, trường học nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- UBND thành phố;
- Giám đốc, Phó GĐ Sở;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Văn phòng, các phòng thuộc Sở;
- Các trường, trung tâm trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, GDTrH&HSSV.PT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Phạm Tấn Ngọc Thụy